

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 23-8-2024

“Tranh chấp về HNGĐ - ly hôn,
Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thông.

2. Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Võ Thị Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 543/2024/QĐXX-PT, ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Đinh Minh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà D, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

-Người kháng cáo: Anh Đinh Minh T – Là bị đơn trong vụ án.

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn **Phạm Thị H** trình bày:

Năm 2015 **Phạm Thị H** và **Đình Minh T** quen biết nhau, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** ngày 23/10/2019; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau, **Đình Minh T** cờ bạc gây ra nợ đã trả nợ nhiều lần, dùng lời lẽ không đúng, chửi, xúc phạm **Phạm Thị H**, **Đình Minh T** có hành vi bạo lực gia đình, trước đây vợ chồng cãi nhau **Phạm Thị H** về gia đình ở **C** sinh sống, sau đó suy nghĩ lại đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **T** không thay đổi, vợ chồng sống ly thân khoảng 05 tháng nay. **Phạm Thị H** thấy không còn khả năng đoàn tụ, không còn tình cảm với anh **T** nên yêu cầu được ly hôn với **Đình Minh T**;

Về con chung: Có 1 con chung là **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019 hiện đang do chị **H** nuôi dưỡng, **Phạm Thị H** yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng, **Phạm Thị H** làm nghề nghiệp bán quần áo, kinh tế ổn định đủ để nuôi con, **Đình Quốc K** còn nhỏ đang học lớp chồi, cần sự chăm sóc của mẹ, **Phạm Thị H** không đồng ý giao con cho anh **T** nuôi dưỡng; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn **Đình Minh T** trình bày: Vợ chồng anh có đăng ký kết hôn như **Phạm Thị H** trình bày. Thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, do làm ăn thua lỗ gây ra nợ chứ anh không có tham gia chơi cờ bạc, vợ chồng có cãi nhau, trong lúc nóng giận có lớn tiếng, lời lẽ, hành động không đúng với vợ, trước đây vợ chồng cãi nhau vợ anh về **C** sinh sống, sau đó anh có năn nỉ, vợ chồng hàn gắn tình cảm. Sau đó vợ chồng sống ly thân khoảng 05 tháng nay, anh muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau lo cho con, anh không đồng ý ly hôn, còn về biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm thì cũng không có biện pháp gì cụ thể để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 1 con chung là **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019 hiện đang do chị **H** nuôi dưỡng, anh **Đình Minh T** không đồng ý giao **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019 cho **Phạm Thị H** nuôi dưỡng. Anh **Đình Minh T** yêu cầu được nuôi

Đình Quốc K, không yêu cầu chị **Phạm Thị H** cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay kinh tế, chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; Về nợ chung không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **Phạm Thị H**. Chị **Phạm Thị H** được ly hôn với **Đình Minh T**.

2. Về con chung:

Chị **Phạm Thị H** được tiếp tục nuôi con tên **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019.

Anh **Đình Minh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị **Phạm Thị H** và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ khi ly hôn: Chị **Phạm Thị H** và anh **Đình Minh T** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh **Đình Minh T** có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý giao cho chị **Phạm Thị H** nuôi dưỡng con chung.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn chị **Phạm Thị H** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn anh **Đình Minh T** giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý giao con cho chị **H** nuôi dưỡng vì anh cho rằng anh có thu nhập ổn định từ nghề tài công ghe chở trâu mỗi tháng 5.000.000 đồng và bồi dưỡng thêm mỗi tháng gần 7.000.000 đồng nên có điều kiện nuôi con hơn chị **H**.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **Đình Minh T**, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị H** đối với anh **Đình Minh T** được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh **T** không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án **T1** thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh **Đình Minh T** không đồng giao con chung cho chị **Phạm Thị H** nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa chị **Phạm Thị H** và anh **Đình Minh T** có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay vợ chồng đã ly thân nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung là **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019 hiện đang do chị **H** nuôi dưỡng. Chị **Phạm Thị H** yêu cầu được quyền nuôi con; anh **Đình Minh T** không đồng ý giao con cho chị **H** nuôi dưỡng, anh **T** yêu cầu được nuôi cháu **Đình Quốc K**, không yêu cầu chị **Phạm Thị H** cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét điều kiện chăm sóc, kinh tế của người nhận nuôi dưỡng cũng như tâm lý của con. Chị **Phạm Thị H** có yêu cầu nuôi con, hiện bé **K** đang do chị **H** nuôi dưỡng, chị **H** có đủ điều kiện, kinh tế ổn định để nuôi con, cháu **Đình Quốc K** còn nhỏ đang học lớp chồi, gần gũi thân thiết với với mẹ và cần sự chăm sóc của mẹ là chị **Phạm Thị H** nên giao cho chị **H** nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với anh **Đình Minh T** cho rằng anh có thu nhập ổn định từ nghề tài công ghe chở trầu mỗi tháng 5.000.000 đồng và bồi dưỡng thêm mỗi tháng gần 7.000.000 đồng nên có điều kiện nuôi con hơn chị **H**. Tuy nhiên, đây là lời trình bày của anh không có gì chứng minh anh có thu nhập ổn định. Mặt khác, nghề nghiệp của anh

phải đi sớm về trễ, có khi đi vài ngày mới về thì điều kiện chăm sóc con của anh T không thể tốt hơn chị H.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T nên anh phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 81, 82, 116 Luật HNGĐ; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **Đình Minh T**.
- Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân sơ thẩm số 46/2024/HNGĐ-ST ngày 13/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung;

Tuyên xử:

- Về con chung:
 - Chị **Phạm Thị H** được tiếp tục nuôi con tên **Đình Quốc K**, sinh ngày 17/9/2019.
 - Anh **Đình Minh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị **Phạm Thị H** và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
- Án phí sơ thẩm:
 - **Phạm Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm

ứng án phí theo biên lai số 0001649, ngày 07/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí phúc thẩm: Anh **Đinh Minh T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0001714 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung. Anh **Đinh Minh T** không phải nộp thêm.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Lai Vung;
- Chi cục THADS H.Lai Vung;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng